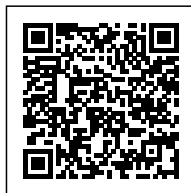


MỘT SỐ DẠNG ĐỀ TÀI TIÊU BIỂU TRONG VĂN THƠ CÁC NHÀ NHO THẾ KỶ XV - XVII VIẾT VỀ PHẬT GIÁO



Các dạng đề tài trong thơ văn của các nhà nho viết về Phật giáo tập trung chủ yếu là

những ngôi chùa trên núi, với những phong cảnh thâm u tĩnh mịch, ở đó có các vị sư với phong thái tự tại, ung dung, không mang đến công danh lợi lộc, quyền quý xa hoa, chỉ lo tu để đạt đến giải thoát giác ngộ.

Đại đức Thích Minh Ấn

*ThS NCS Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Tp.HCM
Ủy viên Trung tâm Nghiên cứu Phật giáo Việt Nam*

1. Dẫn nhập

Đề tài trong **thơ văn Phật giáo** rất phong phú và đa dạng, mang nhiều cấp độ khác nhau, tùy theo từng hoàn cảnh cụ thể để có những đề tài tương ứng. Nếu như trong **văn học thời Lý - Trần** các đề tài đều hướng đến con đường giải thoát giác ngộ, quá trình tu chứng, chơn tâm hoặc niết bàn...Thì đến các thời kì sau này các dạng đề tài thường được mở rộng hơn, mang nhiều biểu cảm sắc thái, nhiều cung bậc cảm xúc được tái hiện.

Lúc này cũng xuất hiện nhiều tác giả tham gia sáng tác với những cái nhìn khác nhau, nên đã pha trộn nhiều yếu tố ngoại lai. Nhưng vẫn không làm nhoè đi yếu tố tâm linh, con đường thoát tục của các bậc thiền sư đắc đạo, hoặc hình ảnh trang nghiêm cổ kính của những ngôi già lam yên tĩnh. Bài viết sẽ giới thiệu một số đề tài dưới đây.

2. Một số dạng đề tài

2.1 Đề tài về chùa chiền

Đây là một dạng đề tài đã thu hút rất nhiều nhà nho hướng đến. Trong tâm thức của mỗi người dân đất Việt, mái chùa luôn là niềm tin, là nơi chốn để đi về. Ngôi chùa đã gắn liền với văn hóa Đại Việt, gần gũi với đời sống của nhân dân, nên các nhà nho khi sáng tác về Phật giáo thì ngôi chùa là đề tài đầu tiên cho họ hướng đến.



Chùa Phổ Minh, Nam Định. Ảnh: St

Những ngôi chùa thường được nhắc đến trong thơ của ba thế kỷ này như: chùa Tiên Du, chùa Nam Hoa, Chùa Pháp Vân, chùa Hồng Ân, Hương Hải am, chùa Phổ Minh, Chùa Phi Lai... Có thể nêu ra đây vài bài thơ để minh chứng cho đề tài này, như bài Đề Hương Hải am của

Nguyễn Thì Trung:
Lan nhạ ỷ nham tu,
Lâm sơn nhất kính tu.
Trì khoan tiên đắc nguyệt,
Động cổ tảo tri thu.

(Ngôi chùa kể hang sâu,
Một con đường dài ở sát núi.
Ao rộng, trăng mọc là thấy trước,
Động xưa, thu tới là biết nhanh.)

Nguyễn Trãi đã viết về chùa Nam Hoa:

Thân tích phi lai ky bách xuân,
Bảo Lâm hương hỏa kế tiền nhân.

(Gậy thần bay đến đây đã cách mấy trăm năm rồi
Hương hỏa chùa Bảo Lâm giữ theo nhân duyên trước.)

Và đây là bài Dục Thúy sơn của Lê Thánh Tông:

Tam chiếc lưu biên Dục Thúy Sơn,
Cô cao như tước ngọc phong hàn.
Tầm lai phế tự lãng phong sương,
Lầm tận hoang bi đái mính hoàn.

(Dục Thúy bên sông khúc uốn ba,
Núi cao chót vót vẻ nguy nga.
Chùa xưa tìm thấy qua luồng gió,
Bia cũ xem xong dưới bóng tà.)

2.2. Đề tài về sư tăng

Sư tăng (thiền sư, tăng sĩ) là những người xuất gia, cắt ái từ thân, đang đi trên con đường tu tập giải thoát, sống đời sống thanh bần đơn giản, tương chày đạm bạc để cầu tìm giác ngộ, giải thoát khỏi những mê lầm và trói buộc của bản ngã. Trong bài thơ Sơn tự của Lê Thiếu Dĩnh, hình bóng chư tăng thật đơn giản, chỉ cần nghe qua tiếng mõ nơi chùa vắng là biết ở đó có sư:

Hiểu khóa cao sơn thủ nhất đăng,
Thủ môn la tiết nhiếp tàng tàng.
Bạch vân già đoạn bất kiến tự,
Ngộ phạn sở thanh tri hữu tăng.

(Chùa cao sáng sớm bước lên thăm,
Tay vịn dây leo tầng tiếp tầng.
Mây trắng phủ quanh chùa chẳng thấy,
Mõ trưa điểm đó biết là tăng.)



Sơn Tăng – Ảnh do Thượng tọa Thích Minh Hiền chụp năm 1997 tại động

Hương Tích.

Trong bài thơ Sơn tự lão tăng của Nguyễn Bành, người đọc lại nhìn thấy một vị sư sống ẩn cư giữa núi rừng hiu quạnh, một mình tự cạo đầu tu hành trong núi sâu, không bóng người qua lại, không ai thăm viếng, nhà sư như cắt đứt mọi sợi dây liên lạc với cõi trần, chỉ làm bạn với áng mây cô liêu tĩnh mịch:

Sơn trung lão chúc phát,
U tư cứu thể thiền.
Độc ngoạn vân thâm xứ,
Vô nhân lai vấn niên.

Dịch thơ:

Gọt đầu tu trong núi,
Chùa xa trải tháng ngày.
Mây sâu người chiếc bóng,
Thăm hỏi tuyệt không ai.

Lê Thánh Tông là một vị minh quân đầy tài năng và khí phách, nhưng khi đứng trước vị chân tu với dáng vẻ ung dung thanh thản đã làm cho tâm hồn nhà vua dâng lên những niềm cảm phục dâng trào. Nhà vua đã so sánh cảnh thoát tục đã vượt qua bờ giác ngộ của nhà sư với cõi trần đầy cực nhọc mà nhà vua đang đi. Dường như lúc này nhà vua đang cúi đầu lắng nghe lời pháp của nhà sư đang giảng. Tâm trạng đó được nhà vua ghi lại trong bài thơ Đề Tu Mộng tự trụ khắc:

Kê diễn đồng vũ bán đôi khiên,
Tát đoả huê dư phổng hóa thành.
Đại giác hải trung quân dị độ,
Vô cùng môn lý ngã nan hành.
Ngũ viên trạm trạm nguyên phi sắc,
Lục độ trùng trùng diệu hữu tình.
Mãnh tỉnh thị phi đe thủ khách,
Bàng nhân thận vật thuyết tam sinh.

(Chùa cũ hoang sơ đã nửa phần,
Cửa Thiền sư cụ dất lên thăm.
Dễ dàng thầy vượt qua bờ giác,
Vất vả tôi đi giữa cõi trần.
Vằng vặc “ngũ viên” không sắc tướng,
Ngời ngời “lục độ” tỏ tình thâm.
Cúi đầu phải trái nay bừng tỉnh,
Thận trọng như sư chẳng thuyết phân.

Nhưng cũng có những con người mượn đạo tạo đời làm ô danh chốn Thiền môn, tạo cơ cho các nhà nho có phần ác cảm với Phật giáo, làm đề tài lên tiếng phê phán, chê bai hạ uy tín nhà Phật. Đó là những kẻ đã mượn nhà chùa làm chỗ dựa để lấy cớ sinh nhai. Họ thật ra chỉ là hạng biếng lười lao động, lợi dụng nhà chùa, lợi dụng niềm tin của tín đồ, bọn họ là loại trốn việc quan vào chùa nương náu, làm cho nhà chùa bị tai tiếng, làm cho **Phật giáo** bị ô danh.

Nội dung trên được các tác giả tái hiện trong những tác phẩm như Thập giới cô hồn quốc ngữ văn (mục Giới Thiền tăng) của Lê Thánh Tông, hay câu chuyện Hai Phật cãi nhau trong tập Thánh Tông di thảo của Lê Thánh Tông; bài thơ Nôm Giới sùng Phật vô ích của Nguyễn Bỉnh Khiêm; câu chuyện Nghiệp oan của Đào Thị và chuyện Ngôi chùa hoang ở huyện Đông Triều trong tập Truyền kỳ mạn lục của Nguyễn Dữ. Tất cả là những tác phẩm phê phán nhà chùa, phê phán sư sãi với những tệ đoan nơi Thiền môn.

2.3. Đề tài về kinh điển, giáo lý tư tưởng nhà Phật

Đề tài về cuộc đời vô thường, về nỗi đau khổ của kiếp người, về giáo lý sắc không trong hệ thống kinh Bát Nhã, về tư tưởng Thiền đốn ngộ của dòng Thiền Thiếu Thất, dòng Thiền Tào Khê,... được các nhà nho đề cập khá nhiều trong thơ văn của họ.

Nguyễn Trãi thể hiện rõ nét nhất những tư tưởng này qua những bài thơ như: “Tống tăng Đạo Khiêm quy sơn” .

Ký tăng giảng học thập dư niên,
Kim hựu tương phùng nhất dạ miên.
Thả hỷ mộng trung phao tục sự,
Cánh tầm thạch thượng thoại tiền duyên.
Minh triều Linh Phố hoàn phi tích,
Hà nhật Côn Sơn cộng thánh tuyền.
Lão khứ cuồng ngôn hựu quái ngữ,
Lâm kỳ ngã diệc thượng thừa thiền.

(Nhớ từng giảng học hơn mười năm,
Nay lại gặp nhau ngủ một đêm với nhau.
Vả mừng trong mộng bỏ hết việc tục,
Lại tìm lên núi để nói chuyện tiền duyên.
Nay mai sẽ bay gậy về núi Chí Linh,
Ngày nào mới cùng nghe suối ở Côn Sơn được?
Già rồi hay nói cuồng, đừng lạ ta,
Từ biệt nhau rồi thì ta cũng sẽ tu theo đạo thiền thượng thừa.)



Những bài thơ Nôm trong Quốc âm thi tập như bài Hoa mộc cận. Nguyễn Trãi đã nhìn bông hoa phản chiếu trong nước, thấy cảnh sớm nở tối tàn mà nhận ra cái lý sắc không của vạn pháp, tức của các hiện tượng trong thế giới khách quan. Theo quy luật, tất cả đều vô thường, chứ không thường hằng, trường tồn:

Ánh nước hoa in một đóa hồng,
Vết nhơ chẳng bén, bụi làm lòng.
Chiều mai nở chiều hôm rụng,
Sự lạ cho hay tuyệt sắc không.

Bài Độc Phật kinh hữu cảm của Nguyễn Danh Nho:

Nhân ư sang dưỡng khổ tao ba,
Thân ngoại vô thân kỷ Thích Ca.
Tâm tự ngộ tâm na hữu vật,
Tướng phi trụ tướng khước hoàn tha.
Anh hùng sự khứ thu phong diệp,
Phú quý thời lai xuân vũ hoa.
Sắc tức thị không, không thị sắc,
Quy mao thổ ốc mặc truyền ngoa.

(Người ta khi ngựa lở thì gãi rất khổ,
Ngoài thân ra không có thân nào khác, thì có mấy vị Thích Ca.
Lòng tự hiểu lòng, nào có sự vật gì nữa đâu?
Sắc tướng không dừng lại sắc tướng, té ra vẫn là nó thôi.
Việc anh hùng qua đi như lá rụng mùa thu,
Giàu sang đến, như hoa trong mưa xuân.
Sắc tức là không mà không là sắc,
Đừng có truyền nhau bậy bạ rằng thỏ có sừng, rùa có lông.)

Theo truyền thống, vào ngày Rằm tháng 7, tiết Trung nguyên, lễ Vu Lan, nhà chùa thiết lễ cúng cô hồn, cầu nguyện cho họ thoát khỏi địa ngục, nhân dịp này, Nguyễn Bình Khiêm viết bài Ngộ Trung nguyên xá tội với mong ước nhờ vào lực từ bi của chư Phật, chư tăng để cứu độ cho tất cả những người chịu oan khổ trên trần gian, chứ không chỉ tế độ cho những người đã khuất:

Thiên địa na dung tội ác nhân,
Thị hà xá tội hữu lương thân.
Ngã kim dục trượng từ bi lực,
Cứu đắc vô cô đồ thán nhân.

(Trời đất nào dung kẻ ác nhân
Cớ sao còn có lễ Vu-Lan.
Từ bi, ta muốn nhờ công đức,
Cứu được bao người chịu khổ oan.)

Điều đó cho thấy tư tưởng Phật giáo luôn tác động mạnh mẽ trong tâm trí của các nhà nho, tạo cho họ những cảm hứng để sáng tác những vần thơ mang nhiều tình đời ý đạo này.

3. Lời kết

Như vậy, các dạng đề tài trong thơ văn của các nhà nho viết về Phật giáo tập trung chủ yếu là những ngôi chùa trên núi, với những phong cảnh thâm u tĩnh mịch, ở đó có các vị sư với phong thái tự tại, ung dung, không mang đến công danh lợi lộc, quyền quý xa hoa, chỉ lo tu để đạt đến giải thoát giác ngộ. Bên cạnh còn có đề tài viết về giáo lý kinh điển nhà Phật, truyền tải nhiều tư tưởng chân lý vi diệu, thể hiện cái nhìn tương đối của các nhà Nho khi viết về Phật giáo.

Đại đức Thích Minh Ấn

*ThS NCS Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Tp.HCM
Ủy viên Trung tâm Nghiên cứu Phật giáo Việt Nam*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lại Nguyên Ân, Các thể tài chức năng trong văn học trung đại Việt Nam, TCVH, số 1-1997, Hà Nội.
2. Lại Nguyên Ân, 150 thuật ngữ văn học, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2003
3. Nguyễn Đồng Chi, Việt Nam cổ văn học sử, Nxb. Hàn Thuyên, Hà Nội, 1942.
4. Nguyễn Huệ Chi, Các yếu tố Nho-Phật-Đạo được tiếp thu và chuyển hóa như thế nào trong đời sống tư tưởng và trong văn học thời đại Lý – Trần, TCVH, số 6, 1978, Hà Nội.
5. Nguyễn Huệ Chi, Nguyễn Bình Khiêm – Danh nhân văn hóa, Bộ Văn hóa - Thông tin và Thể thao xuất bản, 1991, Hà Nội.
6. Nguyễn Huệ Chi, “Mấy đặc trưng loại biệt của Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XIX”, TCVH, số 5 – 2003, Hà Nội.
7. Minh Chi, Các vấn đề Phật học, Viện NCPH Việt Nam xuất bản, TP. HCM, 1995.
8. Lê Anh Dũng, Con đường Tam giáo Việt Nam, Nxb TP. Hồ Chí Minh, 1994.
9. Thích Mãn Giác, Phật học – Thiền học và thi ca, Đại học Vạn Hạnh xuất bản, Sài Gòn, 1974.
10. Phạm Thị Ngọc Hoa, Sự thể hiện con người trong Ước Trại thi tập của Nguyễn Trãi, [Luận văn Thạc sĩ], Trường Đại học Quy Nhơn, 2006.
11. Trần Đình Hượu, Nho giáo và văn học trung cận đại, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 1995.
12. Nguyễn Phạm Hùng, Văn học cổ Việt Nam – Tìm tòi và suy nghĩ, Nxb Đại Học Quốc gia Hà Nội, 2011.
13. Nguyễn Lang, Việt Nam Phật giáo sử luận, 3 tập, Nxb Văn học, Hà Nội, 2000, tái bản.
14. Đặng Thanh Lê, “Từ một phạm trù triết học về một quan niệm đạo đức Nho gia đến cảm hứng nghệ thuật “thể sự” trong thơ Nôm Nguyễn Bình Khiêm”, Tạp chí Văn học, số 4 – 1986, Hà Nội.
15. Nguyễn Công Lý, Văn học Phật giáo thời Lý – Trần: diện mạo và đặc điểm, Nxb. ĐHQG Tp. HCM, 2002.
16. Nguyễn Công Lý, Nghiên cứu mới về văn học Việt Nam thế kỷ XV – XVII, Đề tài khoa học Trường ĐHKHXH và NV-ĐHQG Tp. HCM, 2009.